

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023 /DS-ST

Ngày: 13- 4-2023

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh Hằng và ông Phạm Đức Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang không tham gia phiên tòa

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1955

Địa chỉ: Số a Trần Khánh D, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đoàn Hoàng Đ, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp M, xã T A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Vào ngày 30/5/2014 âm lịch ông Đoàn Hoàng Đ (gọi tắt là Đ) có hỏi vay của bà Nguyễn Thị N (gọi tắt là N) số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), các bên thỏa thuận lãi suất là 1.500.000 đồng/50.000.000 đồng tiền vay/tháng. Việc vay tiền các bên có làm biên nhận nợ do ông Đ viết tay giao cho bà N cất giữ.

Sau khi vay tiền đến ngày 20/01/2015 âm lịch ông Đ có trả cho bà N được 10.100.000 đồng tiền lãi và còn thiếu lại số tiền lãi là 3.400.000 đồng. Sau ngày

20/01/2015 âm lịch cho đến nay ông Đ không trả vốn và lãi cho bà N theo thỏa thuận mà kéo dài thời gian thanh toán cho đến nay không trả.

Trong đơn khởi kiện bà N yêu cầu ông Đ phải trả số tiền vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất là 1,1%/tháng tính từ ngày 20/01/2015 âm lịch tạm tính đến thời điểm làm đơn khởi kiện với số tiền 46.200.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay bà N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Đ trả số tiền vay là 50.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,1%/tháng tính từ ngày 20/01/2015 âm lịch đến ngày thanh toán xong số nợ.

Ông Đoàn Hoàng Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện, không có yêu cầu phản tố và không có ý kiến phản đối trước yêu cầu khởi kiện của bà N.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: 01 (một) biên nhận nợ, bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Nội dung thống nhất: Không có

Nội dung không thống nhất: Bà Nguyễn Thị N xác định ông Đoàn Hoàng Đ còn nợ số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 20/01/2015 âm lịch cho đến ngày thanh toán xong nợ với mức lãi suất 1,1%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa các đương sự: Nội dung khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp do vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ hợp đồng dân sự vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên và quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai, căn cứ vào khoản 2 điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với ông Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong đơn khởi kiện bà N yêu cầu ông Đ có nghĩa vụ trả số nợ vay 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính tới thời điểm làm đơn khởi kiện là 46.200.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến ngày thanh toán xong nợ với mức lãi suất 1,1%/tháng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có Thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông Đ không có ý kiến phản hồi hay phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng thời không cung cấp chứng cứ chứng minh việc đã trả nợ.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình khởi kiện bà N cung cấp chứng cứ là một biên nhận nợ thể hiện vào ngày 30 tháng 5 năm 2014 âm lịch ông Đ có vay của bà N số tiền 50.000.000 đồng, có thỏa thuận trả lãi và ông Đ cũng đã trả lãi cho bà N được 10.100.000 đồng. Do ông Đ không có yêu cầu phản tố hay ý kiến phản đối về chứng cứ do bà N cung cấp nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ để xác định ông Đ có vay tiền và còn nợ tiền của bà N là sự thật. Việc ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà N khởi kiện yêu cầu buộc ông Đ phải thanh toán nợ là phù hợp với Điều 280, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự.

Ngoài số tiền 50.000.000 đồng cho ông Đ vay bà N còn yêu cầu ông Đ phải trả tiền lãi phát sinh bằng 1,1%/tháng cho đến ngày thanh toán xong số nợ.

Nhận thấy mức lãi suất mà bà N yêu cầu là 1,1%/tháng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên được xem xét áp dụng. Như vậy số tiền lãi được tính từ ngày 20/01/2015 âm lịch (tức ngày 10/3/2015 dương lịch) đến ngày xét xử là ngày 13/4/2023 là (08 năm + 01 tháng + 03 ngày) tương ứng với số tiền lãi như sau:

$50.000.000 \text{ đồng} \times (97 \text{ tháng} + 01 \text{ ngày}) \times 1,1\%/\text{tháng} = 53.404.999 \text{ đồng}$ (làm tròn bằng 53.405.000 đồng).

Như vậy, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi tính đến ngày 13/4/2023 ông Đ phải trả cho bà N là $50.000.000 \text{ đồng (vốn)} + 53.405.000 \text{ đồng (lãi)} = 103.405.000 \text{ đồng}$.

Kể từ ngày 13/4/2023 ông Đ tiếp tục phải trả lãi đối với số tiền vay theo mức 1,1%/tháng cho đến ngày thanh toán xong nợ.

[4] Về án phí của vụ án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Án phí ông Đ phải nộp là: $103.405.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.170.250 \text{ đồng}$.

Bà N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.405.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015;

Áp dụng Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc ông Đoàn Hoàng Đ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 103.405.000 đồng (một trăm linh ba triệu, bốn trăm linh năm nghìn đồng).

Kể từ ngày 13/4/2023 ông Đ tiếp tục phải trả lãi đối với số tiền vay theo mức 1,1%/tháng cho đến ngày thanh toán xong nợ.

Việc trả nợ được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí vụ kiện:

Buộc ông Đoàn Hoàng Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 5.170.250 đồng (năm triệu, một trăm bảy mươi nghìn, hai trăm năm mươi đồng).

Bà Nguyễn Thị N được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.405.000 đồng (Hai triệu, bốn trăm linh năm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004989 ngày 07/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 13/4/2023, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm